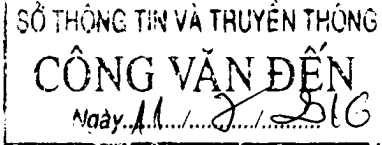


Số: 1049/QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2016



QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Thông tin và Truyền thông

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Sở TT&TT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Trung tâm thông tin (để đưa tin);
- Lưu: VT, PC, PTH&TTĐT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Minh Hồng

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH/SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC
THAY THẾ/BỊ HỦY BỎ HOẶC BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1099 /QĐ-BTTTT ngày 17 tháng 6 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông**

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|---|--|--|
| A. Thủ tục hành chính cấp trung ương | | | |
| 1 | Gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử | Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử |
| 2 | Cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử | Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử |
| 3 | Cấp lại Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước | Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử | Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử |
| 4 | Cấp lại Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử | Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử |

**2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông**

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|---|----------------------------|--------------------------------|
| A. Thủ tục hành chính cấp trung ương | | | |
| 1 | Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Phát thanh, truyền hình và | Cục Phát thanh, truyền hình và |

| | | | |
|---------------------------------------|---|--|--|
| | | Thông tin điện tử | Thông tin điện tử |
| 2 | Sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử | Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử |
| 3 | Cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước | Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử | Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử |
| 4 | Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước | Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử | Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử |
| 5 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài | Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử | Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử |
| 6 | Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài | Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử | Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử |
| 7 | Cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử | Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử |
| 8 | Cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử | Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử |
| B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh | | | |
| 1 | Đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh | Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử | Sở Thông tin và Truyền thông |
| 2 | Đăng ký sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh | Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử | Sở Thông tin và Truyền thông |

| Thủ tục | Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ <i>phát thanh, truyền hình trả tiền</i> |
|-------------------------------|---|
| - Trình tự thực hiện: | <p>- Doanh nghiệp có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử).</p> <p>- Trong thời hạn 30 (<i>ba mươi</i>) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.</p> |
| - Cách thức thực hiện; | Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông |
| - Thành phần, số lượng hồ sơ: | <p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;</p> <p>b) Bản sao có chứng thực <i>hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu một trong các loại giấy tờ được cấp mới nhất: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có);</i></p> <p>c) Đề án cung cấp dịch vụ thuyết minh rõ: Loại hình, phạm vi cung cấp dịch vụ, phương án kỹ thuật cung cấp dịch vụ trực tuyến và dịch vụ theo yêu cầu (nếu có); dự kiến các điều khoản về quyền lợi, trách nhiệm của các bên trong giao kết hợp đồng cung cấp, sử dụng dịch vụ và các nội dung quy định tại các Điểm b, d, đ, e, g, h Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;</p> <p>d) <i>Bản sao Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông của đơn vị có mạng viễn thông trong thời gian Giấy phép thiết lập mạng viễn thông có hiệu lực đối với dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP; bản sao xác nhận đăng ký tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định đối với dịch</i></p> |

* Lưu ý: Phần sửa đổi, bổ sung được in nghiêng.

| | |
|---|---|
| | <p>vụ quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;</p> <p>Trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP không có mạng viễn thông phải có quy chế phối hợp với đơn vị có mạng viễn thông hoặc giải pháp kỹ thuật bổ sung để xử lý sự cố, bảo đảm chất lượng và tính liên tục của dịch vụ;</p> <p>đ) Hồ sơ đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;</p> <p>e) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu các kênh chương trình quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao).</p> |
| - Thời hạn giải quyết: | 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ |
| - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Doanh nghiệp |
| - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử - Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy phép |
| - Lệ phí (nếu có): | |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm): | <i>Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định</i> |
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): | <p>a) Là doanh nghiệp Việt Nam. Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải được sự chấp thuận về chủ trương của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>b) Có phương án cung cấp dịch vụ phù hợp với quy hoạch</p> |

* Lưu ý: Phần sửa đổi, bổ sung được in nghiêng.

phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình, quy hoạch truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình và các quy hoạch khác trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử;

c) Có Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc có thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông đáp ứng yêu cầu kỹ thuật truyền dẫn dịch vụ đến các thuê bao kết nối với mạng viễn thông đó đối với dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d, Khoản 1 Điều 4 Nghị định này; có xác nhận đăng ký tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định để cung cấp dịch vụ đến thuê bao đối với dịch vụ quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 4 Nghị định này;

d) Có các phương án: Bố trí nguồn nhân lực; đầu tư trang thiết bị kỹ thuật; dự báo và phân tích thị trường dịch vụ; kế hoạch kinh doanh và giá cước dịch vụ, dự toán chi phí đầu tư và chi phí hoạt động ít nhất trong 2 (hai) năm đầu tiên; văn bản chứng minh vốn điều lệ hoặc văn bản giá trị tương đương đáp ứng yêu cầu triển khai cung cấp dịch vụ theo dự toán;

đ) Có phương án thiết lập trung tâm thu phát tất cả các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài tập trung ở một địa điểm, trừ các kênh chương trình thuộc danh mục kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương, gồm: Thiết kế kỹ thuật hệ thống thiết bị xử lý tín hiệu, thiết bị kết nối đến mạng truyền dẫn, thiết bị quản lý dịch vụ, quản lý thuê bao và bảo vệ nội dung;

e) Có phương án áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại phù hợp quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn an ninh thông tin; xử lý kịp thời các sự cố kỹ thuật bảo đảm tính liên tục của dịch vụ và quyền lợi của thuê bao;

g) Có dự kiến danh mục kênh chương trình trong nước (trừ các kênh chương trình quy định tại Khoản 4 Điều 13 Nghị định này), kênh chương trình nước ngoài, nội dung theo

| | |
|---|---|
| | <p>yêu cầu, nội dung giá trị gia tăng sẽ cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền kèm theo các văn bản chấp thuận của đơn vị cung cấp nội dung;</p> <p>h) Có văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu các kênh chương trình phù hợp quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 14 Nghị định này.</p> |
| <p>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Báo chí ngày 28/12/1989; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12/6/1999; - Luật Viễn thông ngày 23/11/2009; - <i>Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.</i> |

| Thủ tục | Sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ <i>phát thanh, truyền hình trả tiền</i> |
|---|---|
| - Trình tự thực hiện: | <p>- Doanh nghiệp có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử).</p> <p>- Trong thời hạn <i>15 (mười lăm)</i> ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.</p> |
| - Cách thức thực hiện; | Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông |
| - Thành phần, số lượng hồ sơ: | <p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị Sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. - <i>Bản thuyết minh nội dung thay đổi.</i> <p>2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao).</p> |
| - Thời hạn giải quyết: | <i>15 ngày</i> làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ |
| - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Doanh nghiệp |
| - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử - Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy phép |
| - Lệ phí (nếu có): | Không |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm): | Không |
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): | Không |

* Lưu ý: Phần sửa đổi, bổ sung được in nghiêng.

| | |
|---|--|
| <p>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</p> | <p>- Luật Báo chí ngày 28/12/1989; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12/6/1999; - Luật Viễn thông ngày 23/11/2009; - <i>Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.</i></p> |
|---|--|

| Thủ tục | Gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền |
|--|---|
| - Trình tự thực hiện: | <p>- 60 (sáu mươi) ngày trước ngày Giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép phải gửi văn bản đề nghị gia hạn, nêu rõ thời hạn gia hạn kèm theo bản sao Giấy phép hoặc cung cấp số Giấy phép đã được cấp đến Bộ Thông tin và Truyền thông;</p> <p>- Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp gia hạn Giấy phép. Trường hợp không gia hạn Giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.</p> |
| - Cách thức thực hiện; | Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông |
| - Thành phần, số lượng hồ sơ: | <p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. - Bản sao Giấy phép hoặc cung cấp số Giấy phép đã được cấp. <p>2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao).</p> |
| - Thời hạn giải quyết: | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ |
| - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Doanh nghiệp |
| - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử - Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy phép |
| - Lệ phí (nếu có): | Không |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm): | Không |
| - Yêu cầu, điều kiện | Không |

| | |
|--|--|
| thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): | |
| - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | <ul style="list-style-type: none">- Luật Báo chí ngày 28/12/1989; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12/6/1999;- Luật Viễn thông ngày 23/11/2009;- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. |

| Thủ tục | Cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền |
|-------------------------------|---|
| - Trình tự thực hiện: | <p>a) Trường hợp Giấy phép hết hiệu lực hoặc gia hạn Giấy phép hết hiệu lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do. <p>b) Đối với trường hợp Giấy phép bị mất hoặc bị hư hỏng không còn sử dụng được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp Giấy phép bị mất hoặc bị hư hỏng không còn sử dụng được, doanh nghiệp có Giấy phép gửi văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép đến Bộ Thông tin và Truyền thông. - Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, cấp lại Giấy phép. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do. |
| - Cách thức thực hiện; | Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông |
| - Thành phần, số lượng hồ sơ: | <p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>a) Trường hợp Giấy phép hết hiệu lực hoặc gia hạn Giấy phép hết hiệu lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định; - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu một trong các loại giấy tờ được cấp mới nhất: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có); - Đề án cung cấp dịch vụ thuyết minh rõ: Loại hình, phạm vi cung cấp dịch vụ, phương án kỹ thuật cung cấp dịch vụ trực tuyến và dịch vụ theo yêu cầu (nếu có); dự kiến các điều khoản về quyền lợi, trách nhiệm của các bên trong giao kết hợp đồng cung cấp, sử dụng dịch vụ và các nội |

| | |
|-------------------------------|---|
| | <p>dung quy định tại các Điểm b, d, đ, e, g, h Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;</p> <p>- Bản sao Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông của đơn vị có mạng viễn thông trong thời gian Giấy phép thiết lập mạng viễn thông có hiệu lực đối với dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP; bản sao xác nhận đăng ký tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định đối với dịch vụ quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;</p> <p>Trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP không có mạng viễn thông phải có quy chế phối hợp với đơn vị có mạng viễn thông hoặc giải pháp kỹ thuật bổ sung để xử lý sự cố, bảo đảm chất lượng và tính liên tục của dịch vụ;</p> <p>- Hồ sơ đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;</p> <p>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản thỏa thuận đi kèm nhận tín hiệu các kênh chương trình quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.</p> <p>b) Đối với trường hợp Giấy phép bị mất hoặc bị hư hỏng không còn sử dụng được:</p> <p>- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Văn bản đề nghị phải nêu rõ số Giấy phép, ngày cấp của Giấy phép đã cấp và lý do đề nghị cấp lại Giấy phép. Trường hợp Giấy phép bị hư hỏng thì phải gửi kèm theo bản Giấy phép bị hư hỏng.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao).</p> |
| <p>- Thời hạn giải quyết:</p> | <p>a) Trường hợp Giấy phép hết hiệu lực hoặc gia hạn Giấy phép hết hiệu lực: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> |

| | |
|---|---|
| | b) Đối với trường hợp Giấy phép bị mất hoặc bị hư hỏng không còn sử dụng được: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. |
| - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Doanh nghiệp |
| - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử - Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy phép |
| - Lệ phí (nếu có): | Không |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm): | a) Trường hợp Giấy phép hết hiệu lực hoặc gia hạn Giấy phép hết hiệu lực: - Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định. b) Đối với trường hợp Giấy phép bị mất hoặc bị hư hỏng không còn sử dụng được: Không |
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): | a) Trường hợp Giấy phép hết hiệu lực hoặc gia hạn Giấy phép hết hiệu lực: - Là doanh nghiệp Việt Nam. Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải được sự chấp thuận về chủ trương của Thủ tướng Chính phủ; - Có phương án cung cấp dịch vụ phù hợp với quy hoạch phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình, quy hoạch truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình và các quy hoạch khác trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử; - Có Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc có thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông đáp ứng yêu cầu kỹ thuật truyền dẫn dịch vụ đến các thuê bao kết nối với mạng viễn thông đó đối với dịch vụ quy định tại các |

Điểm a, b, c, d, Khoản 1 Điều 4 Nghị định này; có xác nhận đăng ký tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định để cung cấp dịch vụ đến thuê bao đối với dịch vụ quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 4 Nghị định này;

- Có các phương án: Bố trí nguồn nhân lực; đầu tư trang thiết bị kỹ thuật; dự báo và phân tích thị trường dịch vụ; kế hoạch kinh doanh và giá cước dịch vụ, dự toán chi phí đầu tư và chi phí hoạt động ít nhất trong 2 (hai) năm đầu tiên; văn bản chứng minh vốn điều lệ hoặc văn bản giá trị tương đương đáp ứng yêu cầu triển khai cung cấp dịch vụ theo dự toán;

- Có phương án thiết lập trung tâm thu phát tất cả các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài tập trung ở một địa điểm, trừ các kênh chương trình thuộc danh mục kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương, gồm: Thiết kế kỹ thuật hệ thống thiết bị xử lý tín hiệu, thiết bị kết nối đến mạng truyền dẫn, thiết bị quản lý dịch vụ, quản lý thuê bao và bảo vệ nội dung;

- Có phương án áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại phù hợp quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn an ninh thông tin; xử lý kịp thời các sự cố kỹ thuật bảo đảm tính liên tục của dịch vụ và quyền lợi của thuê bao;

- Có dự kiến danh mục kênh chương trình trong nước (trừ các kênh chương trình quy định tại Khoản 4 Điều 13 Nghị định này), kênh chương trình nước ngoài, nội dung theo yêu cầu, nội dung giá trị gia tăng sẽ cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền kèm theo các văn bản chấp thuận của đơn vị cung cấp nội dung;

- Có văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu các kênh chương trình phù hợp quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 14 Nghị định này.

b) Đối với trường hợp Giấy phép bị mất hoặc bị hư hỏng không còn sử dụng được: Không

| | |
|---|---|
| <p>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</p> | <p>- Luật Báo chí ngày 28/12/1989; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12/6/1999; - Luật Viễn thông ngày 23/11/2009; - Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.</p> |
|---|---|

| Thủ tục | Cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình <i>trong nước</i> |
|--------------------------------------|---|
| <p>- Trình tự thực hiện:</p> | <p>- Cơ quan báo chí được cấp giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử).</p> <p>- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.</p> |
| <p>- Cách thức thực hiện;</p> | <p>Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông</p> |
| <p>- Thành phần, số lượng hồ sơ:</p> | <p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;</p> <p>b) Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình;</p> <p>c) Đề án sản xuất kênh chương trình trong đó nêu rõ: Mục đích sản xuất; tên gọi, biểu tượng (lôgô); tôn chỉ, mục đích kênh chương trình; nội dung kênh chương trình; độ phân giải hình ảnh của kênh chương trình; khung chương trình dự kiến trong 01 (một) tháng; đối tượng khán giả; năng lực sản xuất kênh chương trình (gồm: Nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính); quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình; phương thức kỹ thuật phân phối kênh chương trình đến các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình; hiệu quả kinh tế xã hội của kênh;</p> <p><i>d) Trường hợp kênh chương trình là sản phẩm liên kết, Đề án sản xuất kênh chương trình phải cung cấp các thông tin về sản phẩm liên kết, gồm: Địa chỉ, năng lực của đối tác liên kết; hình thức liên kết; quyền và nghĩa vụ các bên tham gia liên kết;</i></p> <p>đ) Văn bản phê duyệt Đề án sản xuất kênh chương trình</p> |

* Lưu ý: Phần sửa đổi, bổ sung được in nghiêng.

| | |
|---|--|
| | <p>của cơ quan chủ quản đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Bộ, ngành; đối với các cơ quan báo chí Trung ương, Đề án sản xuất phải được người đứng đầu cơ quan báo chí phê duyệt;</p> <p>e) Trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sản xuất nhiều kênh chương trình, đơn vị đề nghị cấp Giấy phép phải làm Đề án riêng đối với từng kênh chương trình cụ thể.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao).</p> |
| - Thời hạn giải quyết: | 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ |
| - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cơ quan báo chí |
| - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử - Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy phép |
| - Lệ phí (nếu có): | Không |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm): | <i>Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.</i> |
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): | Không |
| - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Báo chí ngày 28/12/1989; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12/6/1999; - <i>Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.</i> |

* Lưu ý: Phần sửa đổi, bổ sung được in nghiêng.

| Thủ tục | Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước |
|---|---|
| - Trình tự thực hiện: | <p>- Cơ quan báo chí được cấp giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử).</p> <p>- Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước. Trường hợp không cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.</p> |
| - Cách thức thực hiện; | Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông |
| - Thành phần, số lượng hồ sơ: | <p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Văn bản đề nghị kèm theo bản thuyết minh nội dung thay đổi và văn bản chấp thuận thay đổi của cơ quan chủ quản đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc của Bộ, ngành; đối với cơ quan báo chí Trung ương, văn bản đề nghị thay đổi do người đứng đầu cơ quan báo chí ký.</p> <p>- <i>Đối với trường hợp tăng hoặc giảm thời lượng kênh chương trình, thời lượng chương trình tự sản xuất, ngoài các yêu cầu về hồ sơ quy định tại Điểm b, Khoản 5 Điều 15 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP, đơn vị có Giấy phép phải có Đề án nêu rõ tên, nội dung, thời gian, thời lượng phát sóng chương trình tăng thêm hoặc các chương trình cắt giảm; khung chương trình dự kiến phát sóng trong 01 (một) tháng; phương án tổ chức sản xuất thời lượng chương trình tăng thêm.</i></p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao).</p> |
| - Thời hạn giải quyết: | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ |
| - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cơ quan báo chí |
| - Cơ quan thực hiện thủ | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Bộ |

* Lưu ý: Phần sửa đổi, bổ sung được in nghiêng.

| | |
|---|---|
| tục hành chính: | Thông tin và Truyền thông - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử - Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy phép |
| - Lệ phí (nếu có): | Không |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm): | Không |
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): | Không |
| - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Báo chí ngày 28/12/1989; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12/6/1999; - <i>Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.</i> |

* Lưu ý: Phần sửa đổi, bổ sung được in nghiêng.

| Thủ tục | Cấp lại Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước |
|--|--|
| <p>- Trình tự thực hiện:</p> | <p>- 90 (chín mươi) ngày trước khi Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước hết hiệu lực, nếu muốn tiếp tục sản xuất kênh chương trình, đơn vị có Giấy phép phải thực hiện hồ sơ, thủ tục cấp lại Giấy phép;</p> <p>- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp lại Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.</p> |
| <p>- Cách thức thực hiện;</p> | <p>Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông</p> |
| <p>- Thành phần, số lượng hồ sơ:</p> | <p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép do người đứng đầu cơ quan báo chí ký; đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc của Bộ, ngành phải kèm theo văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép của cơ quan chủ quản; - Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước đã được cấp; - Báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kênh chương trình kể từ ngày được cấp Giấy phép có các nội dung: Cung cấp số liệu đánh giá hiệu quả tác động của kênh, danh sách các chương trình hoặc chuyên mục phát sóng trên kênh (gồm: thời gian, thời lượng phát sóng; nguồn chương trình; khung chương trình phát sóng; danh sách cán bộ lãnh đạo phụ trách các phòng, ban nghiệp vụ hoặc kênh chương trình; phóng viên, biên tập viên chịu trách nhiệm sản xuất kênh chương trình). <p>2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao).</p> |
| <p>- Thời hạn giải quyết:</p> | <p>30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</p> |
| <p>- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:</p> | <p>Cơ quan báo chí</p> |
| <p>- Cơ quan thực hiện thủ</p> | <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Bộ</p> |

| | |
|---|--|
| tục hành chính: | Thông tin và Truyền thông - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử - Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy phép |
| - Lệ phí (nếu có): | Không |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm): | Không |
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): | Không |
| - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Báo chí ngày 28/12/1989; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12/6/1999; - Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. |

| Thủ tục | <i>Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài</i> |
|-------------------------------|---|
| - Trình tự thực hiện: | <p>- 90 (chín mươi) ngày trước khi Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước hết hiệu lực, nếu muốn tiếp tục sản xuất kênh chương trình, đơn vị có Giấy phép phải thực hiện hồ sơ, thủ tục cấp lại Giấy phép;</p> <p>- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, trong đó quy định rõ yêu cầu biên tập, biên dịch đối với kênh chương trình được cấp Giấy chứng nhận đăng ký. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.</p> |
| - Cách thức thực hiện; | Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông |
| - Thành phần, số lượng hồ sơ: | <p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>a) Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;</p> <p>b) Bản sao Giấy phép hoạt động của hãng truyền hình nước ngoài là chủ sở hữu kênh chương trình nước ngoài kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực;</p> <p>c) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hợp pháp còn hiệu lực pháp lý đối với kênh chương trình được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của quốc gia mà hãng truyền hình nước ngoài sở hữu kênh chương trình đó đăng ký hoạt động, kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài);</p> <p>d) Bản sao có chứng thực <i>hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu</i> Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) mới nhất của đại</p> |

* Lưu ý: Phần sửa đổi, bổ sung được in nghiêng.

| | |
|---|---|
| | <p>lý được ủy quyền;</p> <p>đ) Bản sao có chứng thực <i>hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu</i> văn bản xác nhận của hãng truyền hình nước ngoài về việc ủy quyền cho doanh nghiệp làm đại lý cung cấp các kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài);</p> <p>e) Văn bản mô tả của hãng truyền hình nước ngoài về nội dung kênh chương trình, khung phát sóng của kênh chương trình trong 01 (một) tháng kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài);</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao).</p> |
| - Thời hạn giải quyết: | 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ |
| - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:- | Doanh nghiệp |
| - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử - Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy chứng nhận |
| - Lệ phí (nếu có): | Không |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm): | <i>Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định</i> |
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): | Không |
| - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Báo chí ngày 28/12/1989; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12/6/1999; |

* Lưu ý: Phần sửa đổi, bổ sung được in nghiêng.

| | |
|--|---|
| | <p>- Luật Viễn thông ngày 23/11/2009; - Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.</p> |
|--|---|

| Thủ tục | <i>Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài</i> |
|---|--|
| - Trình tự thực hiện: | <p>- Doanh nghiệp có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử).</p> <p>- Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, Trường hợp không cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.</p> |
| - Cách thức thực hiện; | Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông |
| - Thành phần, số lượng hồ sơ: | <p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản của hãng truyền hình nước ngoài xác nhận về những nội dung thay đổi; - Bản sao hoặc cung cấp số Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã được cấp; - Văn bản mô tả của hãng truyền hình nước ngoài về thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình trong 01 (một) tháng kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài) trong trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình; <p>2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao).</p> |
| - Thời hạn giải quyết: | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ |
| - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Doanh nghiệp |
| - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Phát thanh, |

* Lưu ý: Phần sửa đổi, bổ sung được in nghiêng.

| | |
|---|---|
| | truyền hình và Thông tin điện tử - Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy chứng nhận |
| - Lệ phí (nếu có): | Không |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm): | Không |
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): | Không |
| - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Báo chí ngày 28/12/1989; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12/6/1999; - Luật Viễn thông ngày 23/11/2009; - <i>Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.</i> |

| Thủ tục | Cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền |
|---|--|
| - Trình tự thực hiện: | <p>- Cơ quan báo chí có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử).</p> <p>- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.</p> |
| - Cách thức thực hiện; | Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông |
| - Thành phần, số lượng hồ sơ: | <p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;</p> <p>b) Bản sao <i>hoặc cung cấp số</i> Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình;</p> <p>c) Đề án biên tập kênh chương trình nước ngoài thể hiện các nội dung quy định tại Điểm c, d, đ Khoản 2 Điều này kèm theo dự toán chi phí được phê duyệt bởi cơ quan chủ quản báo chí đối với cơ quan báo chí thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ, ngành hoặc người đứng đầu cơ quan báo chí phê duyệt đối với các cơ quan báo chí Trung ương;</p> <p>d) Bản sao có chứng thực <i>hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu</i> văn bản thỏa thuận bản quyền kênh chương trình nước ngoài. Trường hợp văn bản thỏa thuận bằng tiếng nước ngoài phải dịch sang tiếng Việt Nam và chứng thực đối với bản dịch.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao).</p> |
| - Thời hạn giải quyết: | 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ |
| - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cơ quan báo chí |

* Lưu ý: Phần sửa đổi, bổ sung được in nghiêng.

| | |
|--|--|
| <p>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> | <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử - Cơ quan phối hợp (nếu có):</p> |
| <p>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:</p> | <p>Giấy phép</p> |
| <p>- Lệ phí (nếu có):</p> | <p>Không</p> |
| <p>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm):</p> | <p><i>Đơn đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định</i></p> |
| <p>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</p> | <p>a) Là cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình; b) Có văn bản chấp thuận và đề nghị cấp Giấy phép biên tập của cơ quan chủ quản đối với cơ quan báo chí thuộc tỉnh, thành phố thực thuộc Trung ương và các Bộ, ngành; <i>đối với các cơ quan báo chí Trung ương, văn bản đề nghị cấp Giấy phép phải do người đứng đầu cơ quan báo chí ký;</i> c) Có nhân sự đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn báo chí, có thể nhà báo và trình độ ngoại ngữ phù hợp với kênh chương trình nước ngoài đề nghị cấp Giấy phép biên tập; d) Có năng lực kỹ thuật đáp ứng yêu cầu biên tập, gồm: Hệ thống thiết bị làm chậm, thiết bị lưu trữ, phương tiện kỹ thuật thu phát tín hiệu phù hợp với việc biên tập kênh chương trình; bảo đảm công tác biên tập, biên dịch được thực hiện tại Việt Nam theo quy định tại Điều 19 Nghị định này; đ) Có năng lực tài chính cần thiết thể hiện bởi dự toán chi phí biên tập, biên dịch trong 01 (một) năm và văn bản chứng minh nguồn tài chính hợp pháp bảo đảm thực hiện công tác biên tập, biên dịch theo dự toán; e) Có bản quyền hoặc văn bản cho phép được sử dụng</p> |

* Lưu ý: *Phân sửa đổi, bổ sung được in nghiêng.*

| | |
|--|---|
| | kênh chương trình nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật. |
| - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Báo chí ngày 28/12/1989; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12/6/1999; - <i>Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.</i> |

| | |
|--------------------------------------|---|
| <p>Thủ tục</p> | <p>Sửa đổi, bổ sung Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền</p> |
| <p>- Trình tự thực hiện:</p> | <p>- Cơ quan báo chí có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử).</p> <p>- Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.</p> |
| <p>- Cách thức thực hiện;</p> | <p>Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông</p> |
| <p>- Thành phần, số lượng hồ sơ:</p> | <p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>a) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép kèm theo thuyết minh về các nội dung thay đổi khác quy định tại Khoản 5 Điều 20 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP của cơ quan báo chí do người đứng đầu cơ quan báo chí ký. Đối với cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc của các Bộ, ngành văn bản đề nghị phải có xác nhận của cơ quan chủ quản;</p> <p>b) Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã được cấp;</p> <p>c) Văn bản mô tả của hãng truyền hình nước ngoài về thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình trong 01 (một) tháng kèm theo bản dịch tiếng Việt Nam có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài) trong trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung các nội dung có liên quan đến thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao).</p> |

* Lưu ý: Phần sửa đổi, bổ sung được in nghiêng.

| | |
|---|--|
| - Thời hạn giải quyết: | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ |
| - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cơ quan báo chí |
| - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử - Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy phép |
| - Lệ phí (nếu có): | Không |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm): | Không |
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): | Không |
| - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Báo chí ngày 28/12/1989; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12/6/1999; - Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. |

* Lưu ý: Phần sửa đổi, bổ sung được in nghiêng.

| Thủ tục | Cấp lại Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền |
|---|--|
| - Trình tự thực hiện: | <p>- 90 (chín mươi) ngày trước khi Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài hết hiệu lực, nếu muốn tiếp tục biên tập kênh chương trình, đơn vị có Giấy phép phải làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy phép.</p> <p>- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp lại Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông trả lời nêu rõ lý do.</p> |
| - Cách thức thực hiện; | Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông |
| - Thành phần, số lượng hồ sơ: | <p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định; - Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã được cấp; - Báo cáo đánh giá hoạt động biên tập kênh chương trình nước ngoài kể từ thời điểm được cấp Giấy phép có các nội dung: Tự đánh giá về hiệu quả hoạt động biên tập, nhân lực, trang thiết bị, thuận lợi, khó khăn trong công tác thực hiện biên tập. <p>2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ bản chính, 01 bộ bản sao).</p> |
| - Thời hạn giải quyết: | 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ |
| - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Đơn vị có giấy phép (Cơ quan báo chí) |
| - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử - Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| - Kết quả thực hiện thủ | Giấy phép |

| | |
|---|--|
| tục hành chính: | |
| - Lệ phí (nếu có): | Không |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm): | Không |
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): | Không |
| - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Báo chí ngày 28/12/1989; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12/6/1999; - Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. |

| Thủ tục | Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh |
|-------------------------------|---|
| - Trình tự thực hiện: | <p>- Doanh nghiệp có nhu cầu gửi hồ sơ về Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh. Trường hợp không cấp đăng ký, Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.</p> |
| - Cách thức thực hiện; | Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính cho cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh |
| - Thành phần, số lượng hồ sơ: | <p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>a) <i>Tờ khai đăng ký theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;</i></p> <p>b) Bản sao có chứng thực <i>hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu</i> các loại giấy tờ sau: Giấy phép thành lập hoặc văn bản pháp lý tương đương đối với các tổ chức quy định tại Khoản 2 Điều 29 Nghị định này; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) đối với tổ chức, Thẻ thường trú hoặc giấy tờ pháp lý tương đương đối với hộ gia đình, cá nhân người nước ngoài quy định tại Khoản 3 Điều 29 Nghị định này; văn bản đăng ký hoạt động của khách sạn quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 29 Nghị định này; Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đối với doanh nghiệp quy định tại Khoản 6 Điều 29 Nghị định này;</p> <p>c) Bản sao có chứng thực <i>hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu</i> văn bản thuê, mượn địa điểm lắp đặt thiết bị trong trường hợp thiết bị không được lắp đặt tại địa điểm ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Thẻ thường trú, Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền</p> |

* Lưu ý: Phần sửa đổi, bổ sung được in nghiêng.

| | |
|---|---|
| | <p>hình trả tiền.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính)</p> |
| - Thời hạn giải quyết: | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ |
| - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Doanh nghiệp |
| - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Thông tin và Truyền thông - Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy chứng nhận |
| - Lệ phí (nếu có): | Không |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm): | <i>Tờ khai đăng ký theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định</i> |
| - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): | Không |
| - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Báo chí ngày 28/12/1989; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12/6/1999; - Luật Viễn thông ngày 23/11/2009; - <i>Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.</i> |

* Lưu ý: *Phân sửa đổi, bổ sung được in nghiêng.*

| Thủ tục | Đăng ký sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh |
|--|--|
| - Trình tự thực hiện: | <p>- Doanh nghiệp có nhu cầu gửi hồ sơ về Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh. Trường hợp không cấp đăng ký, Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.</p> |
| - Cách thức thực hiện; | Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính cho cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh |
| - Thành phần, số lượng hồ sơ: | <p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>Văn bản đề nghị nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung; đối với trường hợp thay đổi địa điểm lắp đặt, cần có bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản chứng minh quyền sở hữu, thuê, mượn địa điểm mới.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính).</p> |
| - Thời hạn giải quyết: | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ |
| - Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Doanh nghiệp |
| - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Bộ Thông tin và Truyền thông</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Thông tin và Truyền thông</p> <p>- Cơ quan phối hợp (nếu có):</p> |
| - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy chứng nhận |
| - Lệ phí (nếu có): | Không |
| - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm): | |

* Lưu ý: Phần sửa đổi, bổ sung được in nghiêng.

| | |
|--|--|
| <p>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</p> | <p>Không</p> |
| <p>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</p> | <p>- Luật Báo chí ngày 28/12/1989; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12/6/1999; - Luật Viễn thông ngày 23/11/2009; - <i>Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.</i></p> |

* Lưu ý: Phần sửa đổi, bổ sung được in nghiêng.